TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Ngọc Tú

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Thế Huân
2. Bà Trương Thị Nga

-*Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Ngọc Vân-Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa

- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoằng Hóa tham gia phiên toà:* Không.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 6, xã Hoằng N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: thôn 6, xã Hoằng Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn chị Trần Thị L, vắng mặt bị đơn ánh Nguyễn Thành Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2018, các lời khai trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa hôm nay của nguyên đơn chị Trần Thị L thể hiện:

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thành Đ kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoằng T ngày 20/01/1998. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc vì anh Đ không chí thú làm ăn, hay lô đề gây thất thoát về kinh tế cho gia đình

và thường có quan hệ không rõ ràng với những người phụ nữ khác. Không những thế, anh Đ thường xuyên giải quyết các mâu thuẫn vợ chồng bằng bạo lực. Đã nhiều lần anh Đ xin lỗi chị nhưng lại không hề sửa đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và căng thẳng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Minh Á sinh ngày 21/11/1997, đã đủ tuổi thành niên và tự lập; cháu thứ hai là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 06/02/2003. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Thanh Th và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và công nợ: Chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 27/3/2018 và tại các lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày:

Anh và chị Trần Thị L kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như chị L đã trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng đôi khi có va chạm, có những lần anh đã quá tay đánh chị L, nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Anh đã nhận ra cái sai của mình và xin lỗi chị L, nhưng chị L càng ngày càng xa lánh anh. Nay chị L xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn yêu vợ và không muốn con gái là cháu Nguyễn Thị Thanh T sống thiếu bố hoặc thiếu mẹ, hơn nữa cháu đang chuẩn bị thi vào lớp 10, anh không muốn con vì bố mẹ ly hôn mà ảnh hưởng, anh đề nghị để cháu Th thi xong vợ chồng hãy giải quyết ly hôn. Anh muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Minh Á sinh ngày 21/11/1997, đã trưởng thành và tự lập; cháu thứ hai là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 06/02/2003. Nếu buộc phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Anh Đ không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị L không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Thành Đ kết hôn với nhau vào tháng 01/1998 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoằng Đ, huyện H cấp

giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ là quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

[2] Về hôn nhân: Vợ chồng anh Nguyễn Thành Đ và chị Trần Thị L từ lâu đã không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày một trầm trọng, anh Đ thường xuyên đánh đập chị L nên chị dần không còn tình cảm với anh. Chị L cảm thấy cuộc sống vợ chồng nặng nề, chị không thể sống chung với anh thêm nữa. Anh Đ cho rằng vẫn còn yêu chị L nhưng lại thường sử dụng bạo lực với chị, điều đó thể hiện anh không hề tôn trọng hay thương yêu chị. Nhận thấy tình cảm của chị L dành cho anh Đ thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Minh Á sinh ngày 21/11/1997, đã đủ tuổi thành niên và tự lập; cháu thứ hai là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 06/02/2003.

Xét yêu cầu của chị L đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh Th, Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Th là con gái, đang trong độ tuổi dậy thì, tâm sinh lý nhạy cảm cần sự bảo ban chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị L và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị L và anh Đ đã có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án, tham gia phiên họp và hòa giải, nhận các văn bản tố tụng theo luật định. Tại phiên tòa ngày 23/4/2018, anh Đ vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nay căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành Đ là đúng quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn là chị Trần Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thành Đ.

[2] *Về con chung:* Công nhận các cháu Nguyễn Thị Minh Á sinh ngày 21/11/1997 và cháu Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 06/02/2003 là con chung của anh Nguyễn Thành Đ và chị Trần Thị L. Cháu Nguyễn Thị Minh Á đã đủ tuổi thành niên và tự lập. Giao cháu Nguyễn Thị Thanh Th cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Thành Đ được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[3] *Về án phí*: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002531 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Chị L đã thi hành xong.

Nguyên đơn chị Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Thành Đông có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND h. Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;*
- *UBND xã Hoằng Ngọc, Hoằng Đông;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thế Huân **Trương Thị Nga** **Lê Thị Ngọc Tú**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thế Huân **Trương Thị Nga** **Lê Thị Ngọc Tú**